

## SỰ PHÊ BÌNH NHẬN THỨC LUẬN TRUYỀN THỐNG CỦA MICHEL FOUCAULT

TRẦN QUANG THÁI \*

Michel Foucault (1926 – 1984), triết gia Pháp, một trong những người sáng lập chủ nghĩa hậu hiện đại (postmodernism). Một trong những chủ đề lớn trong triết học của Foucault là sự phê bình vấn đề sự phản ánh trong nhận thức luận truyền thống. Tư tưởng của ông có tầm ảnh hưởng rộng rãi không chỉ trong lĩnh vực triết học, mà còn trong các khoa học xã hội và nhân văn.

Thời trẻ ông theo học tâm lý và triết học tại École Normal Supérieur. Vào thập niên 60, ông làm trưởng khoa triết đại học Clermont – Ferrand và Vincennes. Năm 1970, được bầu vào học hiệu cao quý của Pháp, làm giáo sư Lịch sử các hệ thống tư tưởng cho đến cuối đời. Trong những năm 70 và 80, ông giảng dạy tại nhiều đại học trên thế giới, chủ yếu là đại học Berkeley, California, Mỹ. Công trình làm rạng danh ông là “Trật tự của các sự vật” (The Order of Things) xuất bản năm 1966, là sách bán chạy nhất tại Pháp thời đó.

Trong công trình này, Foucault bàn về những nguồn gốc của các khoa học nhân văn hiện đại qua sự phân tích chi tiết vấn đề sự phản ánh (representation) từ Descartes đến Kant vì theo ông, đó là vấn đề trung tâm của nhận thức luận. Theo Foucault, từ thời Descartes đến Kant, sự phản ánh được đồng nhất với tư tưởng, tư duy có nghĩa là vận dụng các ý tưởng để phản ánh đối tượng của tư duy. Nhưng, cần phải làm rõ thế nào là một ý tưởng phản ánh một đối tượng. Đây không phải là một kiểu quan hệ giống nhau, tư duy không có những thuộc tính tự cấu thành sự phản ánh về đối tượng. Tuy vậy, suốt thời Phục hưng, tri thức được hiểu như vấn đề giống nhau giữa các ký hiệu.

Tám bản đồ có thể là mô hình minh họa hữu ích cho sự phản ánh cổ điển<sup>1</sup>. Nó gồm một tập hợp các đường thẳng với chiều rộng, dài đa dạng và nhiều màu sắc, chúng phản ánh những con đường trong một thành phố. Rõ ràng là các con đường không có những đặc điểm của tám bản đồ, chính cấu trúc trừu tượng phản ánh trên bản đồ đã mô phỏng cấu trúc các con đường. Như vậy, cốt lõi của tư duy cổ điển nằm ở nguyên lý, con người nhận thức nhờ có các ý tưởng, chúng phản ánh cái chúng ta biết. Khác với trường hợp tám bản đồ, chúng ta không cần biết những đặc trưng thật sự của ý tưởng là gì qua cái mà chúng có thể phản ánh, theo cách nói của Descartes, chúng ta không cần biết “thực tại hình thức” (formal reality) của ý tưởng. Chúng ta chỉ cần biết cấu trúc trừu tượng mà các ý tưởng cấu thành từ những đối tượng mà nó phản ánh. Descartes gọi đó là cấu trúc của “thực tại khách quan” (objective reality). Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể tiếp cận trực tiếp cấu trúc trừu tượng của các ý tưởng bằng con đường nội quan, chúng ta có thể “thấy” cái mà cấu trúc phản ánh có. Xa hơn, chúng ta có thể thay đổi cấu trúc của ý tưởng để phản ánh tốt hơn đối tượng giống như chúng ta có thể hoàn thiện tám bản đồ.

Theo quan điểm cổ điển, bằng cách nào chúng ta biết rằng ý tưởng là sự phản ánh của đối tượng, một sự phản ánh đầy đủ? Foucault cho rằng ý tưởng không thể phản ánh đầy đủ đối tượng bằng sự so sánh ý tưởng với đối tượng khi nó được tách ra khỏi cái phản ánh. Điều này là không thể vì nó đòi hỏi nhận thức đối tượng mà không có cái phản ánh. Theo tư duy cổ điển, nhận thức là phản ánh. Khả năng còn lại đó là, ý tưởng chính là cái phản ánh. Như vậy, đối với vấn đề liệu ý tưởng có phải là sự phản ánh không, đặc trưng tự quy chiếu này là câu trả lời. Còn đối với vấn đề sự phản ánh đầy đủ đối tượng, một số yếu tố giống như ý tưởng có thể làm được, chẳng hạn như

\* *Nghiên cứu sinh, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Tp. Hồ Chí Minh*

1. *Triết học Pháp gọi thời kỳ từ Descartes đến Kant là thời kỳ cổ điển.*

“những tri giác rõ ràng và xác định” (clear and certain perceptions) của Descartes, hay “những ấn tượng đơn giản” (simple impressions) của Hume. Theo nghĩa này, triết học tiền hiện đại phải luôn dựa trên “sự trực giác” (intuition) trí tuệ hay cảm tính. Tuy nhiên, cần chú ý rằng “sự trực giác” làm nên sự phản ánh đầy đủ của ý tưởng không tự cấu thành sự tồn tại độc lập của đối tượng được phản ánh bằng ý tưởng. Trong phạm vi của quan niệm tiền hiện đại, không tồn tại những đối tượng như vậy, hoặc nếu có, thì cần được thiết lập bằng những yếu tố khác.

Như vậy, đối với Foucault, mấu chốt của tư duy cổ điển là ý tưởng, là cái phản ánh tinh thần. Các triết gia cổ điển có thể bất đồng về địa vị bản thể luận của các ý tưởng (thực tại hình thức), song tất cả đều đồng ý rằng với tư cách là cái phản ánh, chúng không có tính vật lý và lịch sử, đó là khi phản ánh chính xác đối tượng, chúng không có bất kỳ vai trò nào trong mạng lưới nhân quả của giới tự nhiên và xã hội. Từ đây suy ra rằng, ngôn ngữ như là một thực thể có tính vật lý và lịch sử, không giữ vai trò quan trọng nào trong tri thức. Nó chỉ là một công cụ của tư duy, là cái phản ánh có tính vật lý của ý tưởng.

Bước ngoặt vĩ đại trong triết học xảy ra gắn liền với công lao của Kant khi ông đặt vấn đề liệu ý tưởng có thật sự phản ánh được đối tượng không, và nếu được thì bằng cách nào? Nói cách khác, ý tưởng đã không còn được xem như phương tiện biểu đạt không thể bàn cãi của tri thức. Tri thức có lẽ bắt nguồn từ một điều gì đó khác với sự phản ánh. Điều này không hề có nghĩa là, sự phản ánh hoàn toàn không liên quan gì tới tri thức. Nhưng Foucault khẳng định, chỉ với Kant, bản thân sự phản ánh có thể bắt nguồn từ điều gì khác.

Theo ông, tư tưởng này dẫn tới những khả năng quan trọng. Thứ nhất, chính Kant đã cho rằng, bản thân sự phản ánh (tư tưởng, ý tưởng) là sản phẩm của ý thức, “được kiến thiết” bởi tư duy. Tuy nhiên, tư duy ở đây không phải là thực thể tự nhiên hay lịch sử, mà thuộc về một lĩnh vực nhận thức đặc biệt: chủ thể tính siêu nghiệm (transcendental subjectivity). Kant vẫn khẳng định lại quan niệm cổ điển ở chỗ không thể xem tri thức như thực thể vật lý hay lịch sử, song ông đã định vị những cơ sở của tri thức tại một lĩnh vực căn bản hơn (siêu nghiệm). Khả năng thứ hai, đó là quan niệm cho rằng bản thân các ý tưởng là những thực thể lịch sử khi ràng buộc chúng vào ngôn ngữ, như cách làm của Herder. Ngôn ngữ được xem như phương tiện biểu đạt chủ yếu của tri thức. Nhưng cách tiếp cận này không thành công dưới hình thức thuần túy của nó, bởi lẽ làm cho tri thức mang tính lịch sử sẽ tước đi những đặc trưng chuẩn tắc của nó. Nói cách khác, ngay khi tư tưởng hiện đại xem tri thức có tính lịch sử, nó vẫn phải giữ lại lĩnh vực siêu nghiệm của Kant để đảm bảo giá trị chuẩn tắc của tri thức.

Tại đây, Foucault nêu ra hai đặc điểm cốt lõi của tư duy sau Kant: sự trở lại của ngôn ngữ và “sự khai sinh con người”. Ngôn ngữ giờ đây có một vai trò độc lập và quan trọng chứ không chỉ là công cụ theo tư duy cổ điển. Nhưng sự trở lại của nó cũng không phải là hiện tượng vững chắc. Ngôn ngữ liên quan tới tri thức theo nhiều cách khác nhau và trong mỗi cách đều có một sự trở lại đặc thù. Chẳng hạn, lịch sử của những ngôn ngữ tự nhiên đã xuất hiện nhiều sai biệt và xuyên tạc khiến cần phải xử lý bằng các kỹ thuật hình thức hoá. Cùng một lịch sử nhưng để lại nhiều chân lý qua ngôn ngữ khiến phải khai phá bằng các phương pháp chú giải. Và còn một khả năng khác, khi được giải phóng khỏi sự lệ thuộc vào ý tưởng, ngôn ngữ có thể được xem như một thực thể độc lập bởi vì không còn hệ thống giống nhau ràng buộc nó với thế giới (như ở thời Phục hưng). Theo nghĩa này, ngôn ngữ là chân lý của chính nó, nó không nói gì khác ngoài ý nghĩa của mình. Đây là lĩnh vực văn chương thuần túy do Mallarmé khởi xướng khi ông trả lời câu hỏi của Nietzsche, “Ai đang nói?” bằng câu “Bản thân ngôn ngữ”. Tuy nhiên, trái với thời Phục hưng, không có một TỪ (WORD) thiêng liêng đằng sau đưa ra chân lý duy nhất cho ngôn ngữ. Văn chương theo nghĩa đen, không là gì khác ngoài ngôn ngữ đang nói về mình và cho mình.

Đặc điểm thứ hai là vấn đề hình ảnh con người. Điểm quan trọng nhất về “con người” là ở

chỗ, nó là khái niệm nhận thức luận (epistemological conception). Theo Foucault, con người không tồn tại trong suốt thời kỳ cổ điển và trước đó không phải vì không có ý tưởng về con người với tư cách loài hoặc là bản tính người dưới góc độ tâm lý, đạo đức và chính trị. Ông viết: “Cho đến thế kỷ XVIII con người chưa từng tồn tại. Chưa có, cũng như sức sống chưa có, lao động hiệu quả chưa có, sự tinh vi lịch sử của ngôn ngữ cũng chưa có. Con người – đó là sự sáng tạo chưa lâu, được kẻ sáng tạo mọi kiến thức tạo ra chưa đầy hai trăm năm ... Đúng là các khoa học tự nhiên xem xét con người với tư cách một loài hay một họ: một bằng chứng về điều đó là cuộc tranh luận về chủng tộc vào thế kỷ XVIII... Nhưng ở nghĩa nhận thức luận thì con người với tư cách là con người vẫn chưa được giác ngộ” [1, tr. 309]. Ở thời cổ điển, con người được xem như là địa điểm của tri thức vì chính con người sở hữu những ý tưởng phản ánh thế giới. Mặt khác, con người là một khái niệm nhận thức luận theo nghĩa một chủ thể siêu nghiệm của Kant và cũng là một đối tượng kinh nghiệm. Trong thời cổ điển, con người là địa điểm của sự phản ánh nhưng không phải là nguồn gốc. Vì vậy, trong tư duy cổ điển, không có chỗ cho khái niệm “kiến thiết” của Kant.

Đề cập tới cái tôi tư duy của Descartes, Foucault chỉ ra nguyên nhân vì sao đó là một nền tảng không thể nghi ngờ trong hệ chuẩn cổ điển, chứ không phải trong hệ chuẩn hiện đại. Có hai cách đặt vấn đề về cái tôi tư duy. Thứ nhất, sự tồn tại của chủ thể tư duy có điều gì đó rộng hơn hành vi phản ánh đối tượng, cho nên không thể đi từ sự phản ánh tới người tư duy. Song ở thời cổ điển, điều này không hề có nghĩa gì, bởi lẽ tư duy là sự phản ánh. Thứ hai, cái tôi như người phản ánh có lẽ không thật sự có thực mà chỉ là sản phẩm (được kiến thiết) của một ý thức có thực hơn. Nhưng sự phản đối này chỉ có giá trị khi chúng ta có thể nghĩ về một ý thức có thực hơn này, có cái tôi như một đối tượng theo nghĩa nào đó khác hơn là phản ánh nó. Nếu không như thế, sẽ không có cơ sở nói rằng cái tôi như người phản ánh là ít có thực hơn. Thế nhưng, một lần nữa, điều này không thể xem xét được trong hệ chuẩn cổ điển.

Phản tiếp theo trong “Trật tự của các sự vật”, Foucault đề cập tới vấn đề tính hữu hạn của con người (the finiteness of man). Tính hữu hạn của con người là một vấn đề triết học bởi vì cùng một tồn tại kinh nghiệm giới hạn bởi lịch sử (tồn tại người), bằng cách nào đó phải là cội nguồn của sự phản ánh, là nơi mà chúng ta nhận thức thế giới kinh nghiệm, bao hàm cả chúng ta như những tồn tại kinh nghiệm. Foucault viết: “Sự hữu hạn của con người thể hiện... trong tính tích cực của kiến thức, chúng ta biết về sự hữu hạn của con người khi nghiên cứu giải phẫu não, các cơ chế chi phí của nền sản xuất, hoặc là hệ thống chia động từ Ấn - Âu. Có thể nói rằng, trên mọi bức tranh bền vững, có giá trị đó đã in dấu ấn về sự hữu hạn của con người và các giới hạn do nó sinh ra, và chúng ta nhìn thấy tất cả những điều mà chúng ta đã làm cho trở nên không thể... Trong cơ sở của mọi kinh nghiệm tích cực... dễ thấy sự hữu hạn của con người” [1, tr. 406]. Theo Kant, ý thức chủ thể phải vừa là đối tượng kinh nghiệm của sự phản ánh, vừa là cội nguồn siêu nghiệm của sự phản ánh. Điều này có thể xảy ra như thế nào? Foucault cho rằng không thể, và sự bất khả này báo hiệu sự sụp đổ của hệ chuẩn hiện đại. Điều mà Foucault gọi là “phân tích tính hữu hạn” đã phác họa trường hợp lịch sử cho kết luận này, xem xét những nỗ lực chủ yếu để trả lời vấn đề.

Vấn đề và chiến lược căn bản để giải quyết nó đòi hỏi quay lại với Kant, người đã đề xuất ý tưởng rằng, chính những yếu tố khiến chúng ta trở nên hữu hạn (sự lệ thuộc vào không gian, thời gian, tính nhân quả...) lại là những điều kiện cần cho sự tồn tại của tri thức. Do vậy, sự hữu hạn của con người vừa được giải mã và đồng thời đang tìm kiếm. Dự án của triết học hiện đại (từ Kant trở đi) – phân tích tính hữu hạn – nhằm vạch ra điều này có thể như thế nào.

Một vài học thuyết triết học hiện đại đã cố gắng giải quyết vấn đề con người bằng cách quy cái siêu nghiệm về cái kinh nghiệm. Chủ nghĩa thực chứng (positivism) lý giải tri thức dưới hình thức các khoa học tự nhiên (vật lý, sinh học). Chủ nghĩa Marx (Marxism) viện tới các khoa học lịch sử và xã hội. Sự khác biệt ở chỗ chủ nghĩa thực chứng đặt tri thức trên nền tảng quá khứ trong khi

chủ nghĩa Marx đặt cơ sở vào tương lai cách mạng. Foucault cho rằng, cả hai cách tiếp cận đều đơn giản đã lờ đi điều kiện của vấn đề, đó là con người phải được xem như không thể quy giản về phương diện kinh nghiệm lẫn siêu nghiệm.

Dường như hiện tượng học của Husserl đã thực hiện dự án của Kant, tổng hợp hoá con người như đối tượng và con người như chủ thể bằng cách biến đổi dự án của Descartes, đó là đặt tri thức trên nền tảng những chân lý kinh nghiệm trong thực tại của chủ thể siêu nghiệm. Tuy nhiên, vấn đề là, quan niệm hiện đại về con người đã loại trừ ý tưởng chủ thể tư duy của Descartes như là “sự trong sáng tối hậu” của ý thức thuần túy. Tư duy không còn là sự phản ánh thuần túy và do vậy không thể tách tư duy ra khỏi cái không tư duy (những kinh nghiệm có sẵn...). Cái tôi không còn có thể đi từ “tôi tư duy” tới “tôi tồn tại” bởi vì nội dung của thực tại của tôi (cái tôi là) luôn rộng hơn nội dung của cái tôi tư duy (tôi đang sống, đang làm việc, đang nói... tất cả những thứ này khiến tôi vượt qua lĩnh vực tư duy thuần túy). Hệ quả là, trong phạm vi mà Husserl đặt mọi thứ trên nền tảng chủ thể siêu nghiệm, đó không phải là chủ thể tư duy của Descartes mà là chủ thể tư duy hiện đại, bao gồm cái không tư duy kinh nghiệm như một phần của tồn tại người. Hiện tượng học (phenomenology), giống như tất cả tư duy hiện đại, phải chấp nhận cái không tư duy như “cái khác” không thể loại trừ của con người. Các nhà hiện sinh như Sartre và Merleau-Ponty cũng không thể giải quyết vấn đề. Khác với Husserl, họ tránh né định vị cái tôi siêu nghiệm và chỉ tập trung vào tồn tại cụ thể của con người trong thế giới. Nhưng theo Foucault, điều này chỉ là cách quy giản cái siêu nghiệm về cái kinh nghiệm một cách tinh vi hơn.

Các triết gia như Hegel và Marx một hướng, Nietzsche và Heidegger hướng khác, đã cố giải quyết vấn đề địa vị lưỡng phân của con người bằng cách xem con người như một thực tại lịch sử. Nhưng hướng đi này cũng gặp phải khó khăn ở chỗ, con người vừa là sản phẩm của những tiến trình lịch sử, vừa là nguồn gốc của lịch sử. Nếu xem con người là sản phẩm, chúng ta quy giản thực tại người thành cái gì đó không phải là người. Foucault gọi đây là “sự rút lui” khỏi nguồn gốc con người. Nhưng nếu kiên quyết một “sự trở lại” với con người như nguồn gốc chính đáng của mình, thì sẽ không còn có thể hiểu được vị trí con người trong thế giới kinh nghiệm. Nghịch lý này có thể lý giải cho sự ám ảnh vô tận hiện đại về cội nguồn, nhưng không bao giờ có lối thoát nào ra khỏi mâu thuẫn giữa con người như kẻ sáng tạo với con người như kẻ được sáng tạo. Mặc dù vậy, sự theo đuổi hiện đại đối với vấn đề cội nguồn đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về tầm quan trọng có tính bản thể luận của thời gian, đặc biệt là ở tư tưởng của Nietzsche và Heidegger, những người đã bác bỏ quan niệm của Hegel và Marx về sự trở lại với cội nguồn như sự giải phóng hoàn toàn của tồn tại, thay vào đó, họ xem sự trở lại với cội nguồn như sự đối diện với sự hư vô của tồn tại người.

Tựu trung lại, mặc dù chưa vạch ra được những lối thoát cho những bế tắc có tính định hướng nghiên cứu trong nhận thức luận truyền thống và các khoa học nhân văn, song những phân tích sâu sắc của Foucault trước những mặc định về sự phản ánh, ngôn ngữ, tư duy của nhận thức luận truyền thống đã làm rõ những bế tắc, lưỡng phân trong cách giải quyết vấn đề con người với tư cách đối tượng trung tâm của nhận thức luận, và của các khoa học nhân văn. Điều này thể hiện sự đóng góp đáng kể của Foucault đối với sự hình thành nhận thức luận của chủ nghĩa hậu hiện đại.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Foucault, Michel. (1973). *The Order of Things*. New York: Vintage.
2. Rabinow, Paul. (1997- 99). *Essentials Works of Foucault, 1954 – 1984*. New York: The New Press.
3. Flynn, Thomas. (2003). *Sartre, Foucault, and Historical Reason, volume 2: A post-structuralist mapping of history*. University of Chicago Press.
4. Gutting, Gary. (1994). *The Cambridge Companion to Foucault*. Cambridge University Press.
5. Han, Béatrice. (2002). *Foucault's Critical Project*. Stanford University Press.

### TÓM TẮT

Bài viết làm rõ sự phê bình của Foucault đối với truyền thống nhận thức luận khởi đi từ Descartes. Bằng sự khảo sát cội nguồn của các khoa học nhân văn hiện đại qua sự phân tích chi tiết vấn đề sự phản ánh, Foucault đã chỉ ra rằng, tư duy cổ điển xem ý tưởng là cái phản ánh tinh thần, ngôn ngữ là phương tiện biểu đạt chủ yếu của tri thức. Qua sự phân tích truyền thống nhận thức luận, Foucault khẳng định sự tồn tại độc lập của ngôn ngữ và đưa khái niệm con người vào trung tâm nhận thức luận.

### SUMMARY

This article clarifies Foucault's criticism on the epistemological tradition starting from Descartes. He makes clear the origin of modern sciences of humanity through his profound analysis of representation, he shows that, in classical thought, thought is a minded representation while language is an essentially signification tool of knowledge. By his analysis of epistemological tradition, Foucault asserts the independence of language and brings the concept of man into the center of epistemology.